

# NHÂN QUYỀN Ở PHƯƠNG ĐÔNG

## HÌN DƯỚI GÓC ĐỘ TRIẾT HỌC VÀ SO SÁNH LỊCH SỬ

NGUYỄN VĂN VĨNH

*Khoa Triết học-Dại học Tổng hợp Hà Nội*

Nhân quyền và quyền lực ở Phương Đông là những vấn đề hết sức phức tạp. Nghiên cứu vấn đề này quả thật không dễ dàng. Trong khuôn khổ bài này chúng tôi không đề cập đến tính phổ biến và tính giai cấp của những quan niệm về nhân quyền mà chủ yếu tập trung đến tính khu vực (đông tây) của nó. Nhưng cũng chỉ mới đến mức độ bước đầu nghiên cứu vấn đề hơn là giải quyết vấn đề.

Chúng ta có thể thấy rằng: trong các nước chậm phát triển ở phương đông, có thể nói là không có (hoặc đúng hơn là chưa có) lý luận về nhân quyền và dân chủ, nhưng điều này không có nghĩa ở đó không có ý thức về quyền lực. Đặc biệt là quyền lực của Nhà nước.

Bởi lẽ, tự thân cái xã hội phân chia thành đẳng cấp khác nhau và hình thành cơ cấu cũng như bộ máy quản lý xã hội, đã tạo ra ở nó những cái biểu đạt tương ứng. Có thể nói về mặt hình thức khái niệm thì khác nhau nhưng nội dung là tương đương. Ví dụ, khái niệm trong Nho giáo về "chính danh định phận". Rồi "dân sử theo hình pháp, đại nhân xử t. theo lễ", và "trị quốc, bình thiên hạ". Nói theo lối lý luận thì ở các nước đó chưa có những điều kiện vật chất - khách quan để các quyền con người được khẳng định phổ biến.

Lý do: thứ nhất, quyền con người - không thể có trong tư tưởng các nhà lý luận - hình thành và phát triển ở xã hội khi mà ý thức của con người về cá nhân mình như là cá thể - xã hội, do đó, xã hội phải tồn tại với tính cách là một xã hội công dân, được bảo vệ và điều chỉnh bởi Nhà nước pháp quyền tồn tại tuân theo cơ chế "Cộng hòa" (bầu và bãi cử theo luật). Soi vào thực tế các nước thứ ba, có lẽ thiếu vắng đồng thời ba tiền đề: Cá nhân, xã hội và công dân và Nhà nước pháp quyền. Vậy làm sao đề cập được đến nhân quyền và dân chủ cụ thể được.

Thứ hai, quyền con người không phải là những qui định mang tính tự nhiên mà là những qui định mang tính xã hội. Bởi lẽ, người ta không đòi hỏi quyền con người trong quan hệ Người và tự nhiên; song, ở quan hệ Người - Người thì không ai có thể phủ nhận những tiền đề xuất phát từ tự nhiên: mọi người, với tính cách Người cụ thể đều ngang nhau. Tuy nhiên, khi cá nhân bị "hòa tan" trong cộng đồng xã hội (gia đình, làng xóm, dân tộc, dân tộc và quốc gia v.v..) cái gọi là "ngang nhau" này bị rải ra trên những thang

bậc khác nhau (địa vị) tự nó làm thành sự hợp lý của cái "bất bình đẳng tự nhiên", v.đề, cha - con, già - trẻ, Nam - Nữ, lao động trí óc và lao động chân tay v.v.) cơ sở của sự "bất bình đẳng hợp lý này, đương nhiên là sự bảo toàn tồn tại xã hội, từ ch hình thà trong lòng nó quá trình phân công lao động tự nhiên. Giới hạn ở xã hội nôngnghiệp kh kín (tự cung tự cấp), lao động xã hội đã đặt ra ngoài lề sự phổ cập giáo dục ph thông n - nữ bình quyền ... Mặt khác, tự thân lao động của xã hội dựa vào ưu thế bản sinh của chất thể lực, kỹ xảo, do đó, xem thường giáo dục nghề nghiệp phổ biến (kỹ thuật). Và hoàn thiện kỹ năng lao động, thời gian không phải tính bằng ngày, tháng mà là cuộc (các thế hệ chồng lên nhau). Vậy quyền con người mất đi sự bảo đảm cho nó ược thực trong xã hội dưới những hình thức cụ thể như: quyền học hành, kinh tế, cư tr.

Ở xã hội lấy nông nghiệp làm nền tảng phải chăng có thể cho tự d cư trú? nhiên là một số dân tộc - chẳng hạn Do thái có truyền thống thương nghiệp, chắc ch quyền hạn này không đặt ra. Song điều đó không đồng nghĩa với sự đóng mở biên g quốc gia của họ cũng như dân tộc khác là dễ dàng. Nói cách khác, chỉ vớixã hội cổ nghiệp khi phụ nữ, trẻ em đều có khả năng ngang bằng lao động nam giới rong nhữ thao tác kỹ thuật đơn giản, do đó, họ cùng một cơ hội tìm ra việc làm, đm bảo cu sống cá nhân, tạo ra phương tiện sống (tiền lương). Như thế, tự thân quyền con ngu hiện hình dưới hình thức nhu cầu sống cho chung mọi người không phân lệt tuổi t giới tính, địa vị xã hội, chủng tộc (như tự do, bình đẳng v.v...).

Thứ ba, do lao động xã hội chủ yếu và lực tự nhiên, và con người - lao động vẫn coi là phương tiện ngang bằng những lực tự nhiên khác (gió, nước, trâu bò... thì sự đi chỉnh nó (quản lý, tổ chức) hẳn không thể vượt trên đó. Vấn đề thuế dựa vào hiện v nhà tù, súng đạn, roi vọt là những công cụ chủ yếu điều chỉnh hành vi con người. Khi xã hội công nghiệp - thất nghiệp hoặc bị triệt tiêu tài sản theo cách nào đc (thuế ca lương thấp v.v...) đều buộc người ta phải tôn trọng luật pháp (vì tiền có tìm phổ biế thì ở các nước đang phát triển - tự cung tự cấp - lao động thủ công giản đơn dựa v nông nghiệp mang tính tự nhiên, không thể tạo sức ép pháp luật một cách gán tiếp n ở phương Tây (đe dọa mất việc, cúp lương).

1. Với những lý do nêu trên, ở các nước đang phát triển mà châu Á à điển hì theo truyền thống của mình đã hình thành các hệ thống quyền lực, và ở đây an xen gi "quan hệ tự nhiên và " và "quan hệ xã hội" (nguồn gốc). Sau này, những lệ thống trên được các nhà tư tưởng phân tích, hoàn thiện cao hơn với sự định chέρα phép cho hệ thống.

Mầm mống tự nhiên còn được lưu giữ trong các quan niệm ví dụ: Trung sĩ, trợ hiên, đái sĩ, chiêu tài, thâu dân... Tuy nhiên, các quan niệm này hoàn toàn không p xuất phát cùng một lập trường "nhân bản" của phương Tây hiện đại, trái lại, từ ý t xem dân như một bộ phận "cơ thể" tự nhiên của xã hội (tức là xem dân như chân của vua chúa). Do đó, dấy tới quan niệm về mặt xã hội là cần có một cách tng xử th đáng với kẻ bị cai trị (dân) trong những tình huống nhất định.

Chẳng hạn văn minh Trung hoa cho thấy, những chế định ở hình tước "lễ", "ph hoàn toàn không phải bộ khung pháp lý để lập thành và điều tiết xã hội vớitính cách

mọi công dân, trong đó, trước pháp luật mọi người (không loại trừ cá nhân nào) đều bình đẳng. Bởi thế, "lẽ" và "pháp" luôn luôn tính đến cái gọi "liên đới" trách nhiệm ở quan hệ gia đình như thời nay gọi là "chủ nghĩa lý lịch".

Vì đẳng cấp chi phối, đương nhiên quyền uy bị qui về thế . Là sự đối đãi lẫn lộn, tùy thuộc vào quan hệ giữa các chủ thể mà phát sinh ra Thuật. Rồi nữa, Thế, luật chỉ phát huy hiệu quả thực sự khi nắm được công cụ bạo lực trong tay, do đó, có hình pháp. Vậy, rõ ràng pháp luật tại đây không bao giờ là "khế ước xã hội" Trái lại, đó là sự áp đặt của cá nhân, hoặc đẳng cấp, giai cấp thống trị đối với toàn xã hội (bị trị). Thành ra, người ta thay đổi nó tùy ý và luôn luôn theo ý chí của chủ thống trị.

2. Tách khỏi lịch sử của vấn đề, xét riêng trên phương diện lôgich, chúng ta nhận ra "sự lộn ngược" của "chuẩn mực" xã hội khi di chuyển vị trí quan sát: từ Tây sang Đông, và ngược lại, từ Đông sang Tây.

Phương Tây, nhu cầu giải phóng lao động xã hội để CNTB phát triển, người ta bắt đầu phát từ con người với tính cách cá nhân (ngang nhau) mà định và lập pháp. Nếu xuất xã hội qui định sự phổ thông hóa giáo dục, đào tạo, và chế độ bầu cử, bộ máy Nhà nước được xem là sự "ủy quyền" của Nhân dân, đại diện cho nó xử lý những quan hệ trong và ngoài nước. Như vậy hệ quả tất yếu Nhà nước sẽ bị hủy diệt nếu đi ngược lợi ích Nhân dân; nghĩa là, Nhà nước sẽ bị trừng trị vì nó là kẻ "làm thuê", kẻ "thừa sai", một khi không làm tròn bổn phận của mình. Như thế, nội dung Nhân quyền là quyền đề, quy định nội dung "quyền lực" nói chung với nghĩa, hàm chứa trong đó nội dung các khái niệm khác như Dân chủ, Cộng hòa, Nhà nước, Pháp luật v.v.. (những khái niệm thuộc Chủng, phái sinh).

Phương Đông, nhìn ngược trở lại, từ chỗ cần kiểm soát và phối hợp lao động xã hội vốn phân tán do tính cá thể tự cung tự cấp, mang nặng tính huyết thống và địa phương, do đó, từ lợi ích đẳng cấp người ta nhân danh cộng đồng mà thiết định luật pháp. Khi thủ bộ máy Nhà nước nhiều lắm chỉ là đại diện của một đẳng cấp và không ít khi hợp nó thuộc về một gia đình, khi xã hội còn tồn tại trên nền tảng sản xuất đó, hay đối Nhà nước đã và luôn được xem là sự tiếm quyền, nghĩa là, dòng họ khác thay dòng họ trước đó được xem "chính thống". Ở đây, Nhân dân chỉ được nhìn nhận như công cụ mà thôi, giống như mọi thứ công cụ khác được dùng trong sản xuất nói chung. Đó là từ "quyền lực" đi đến quyền nhân dân.

3. Sự lý giải ở trên có thể gây ra tranh luận, với ý kiến đại loại: Phương Đông gồm nhiều quốc gia, và ở đây, có những Nhà nước - nhìn về mặt hệ tư tưởng - nó thuộc về nhân dân lao động. Quả là, dừng lại giới hạn hệ tư tưởng, chúng ta sẽ phải tranh luận không đi tới đâu về vấn đề này. Nhưng, nếu lùi chút ít để nhìn vào thực tế, chúng ta sẽ dễ dàng nhận ra thực chất của vấn đề.

Rõ ràng quyền lực Nhân dân không tùy thuộc vào lời tuyên bố hoa mỹ của Nhà nước, cũng như người lãnh đạo tinh thần (về mặt chính trị - hợp pháp, tức là có pháp lý ủng hộ, mà ở chỗ khả thi do luật pháp nêu ra một cách cụ thể. Đã vậy, quyền lực Nhân dân vốn mơ hồ, nó chỉ hiện hình rõ nét qua hiệu lực hoạt động của bộ máy Nhà



nước, khi và chỉ khi có những xung đột gay gắt giữa lợi ích toàn thể cộng đồng và lợi đảng cấp.

Với Phương Tây, do Nhà nước chỉ là bộ máy thừa hành được ủy quyền nên sự thay đổi nó không phong hại, đảo lộn nhiều lắm nền sản xuất xã hội. Chúng ta cũng kiến lập tục sự thay thế lẫn nhau về người lãnh đạo, nhưng cơ cấu bộ máy nhà nước có vẻ thấy gần như hoàn toàn ổn định. Nói cách khác, nhân sự tác động rất ít đến cơ chế tổ chức của Nhà nước (trừ trường hợp rất đặc biệt). Ngược lại, cơ chế tổ chức như bộ phận "sàng lọc" quyết định sự tồn tại hoặc ra đi của cá nhân nào đó (kể cả người có địa vị cao).

Ngược lại, với phương Đông, cơ chế tổ chức lại phụ thuộc vào giới "cóp bu". Do đó, dù chỉ là sự xê dịch nhỏ cũng làm đảo lộn đời sống xã hội. Bởi, nói theo lối nói dân gian "rút dây động rừng", cơ chế tổ chức do nhân sự quyết định nên sự thay đổi nhân sự làm cho cơ chế tổ chức thay đổi theo, và kết quả tất yếu, gây biến động cho nền sản xuất của xã hội. Từ đây, bắt buộc giới lãnh đạo xã hội phải xem xét đến "giới hạn" của mọi quyền con người, đặc biệt là những quyền phương Tây coi là "tự nhiên" như: tự do ngôn luận, tự do cư trú, tự do ứng và bầu cử...

4. Lý do "ổn định chính trị" của phương Đông nói chung, chính đáng kể xuất phát từ thực tế xã hội phương Đông đạt tới. Như đã giải trình ở 2 và 3. Nhà nước định hướng cho nền sản xuất xã hội vốn phân tán và dựa vào nông nghiệp, mang tính tự cung tự cấp (kể cả hiện nay) chứ không phải nền sản xuất đó quy định Nhà nước phải có hoạt động đối nội, đối ngoại như thế nào.

Như ở Quan hệ quốc tế, các nước phương Đông có "nhiều" quyền lựa chọn đối tượng hơn phương Tây, vì tính chất "khép kín" của mình. Sợ mất "bạn hàng" không li xem trọng hơn sợ sụp đổ quyền lực trong nước. Một đảng, "bạn hàng" có thể thay thế, đối chọi được, đảng khác, sự sụp đổ quyền lực chính trị là mất tất cả, không thể bù đắp nổi (do chính trị quy định kinh tế)

Sự rời bỏ quyền lực công cộng (Nhà nước) đối với cá nhân ở phương Tây vốn nằm ngoài nhóm, dễ dàng là vì đây chỉ mang tính "ủy nhiệm" chứ không phải thực quyền theo nghĩa đặt đồng nhất nhau (Nhà nước trùng cá nhân). Khi rời bỏ hoạt động chính trị người ta có thể trở lại nó thông qua sự củng cố quyền lực về kinh tế của mình, với tính cách là đại diện cho một tập đoàn sản xuất nào đó: thứ nữa, do lợi ích cá nhân không đồng thời hàm chứa lợi ích cộng đồng nên sự từ chối quyền lực công cộng là cái được "ủy nhiệm" của xã hội không có nghĩa bị thiệt hại về lợi ích vật chất cá nhân.

Trái lại, ở phương Đông quyền lực công cộng hòa nhập vào quyền lực cá nhân lãnh đạo, và là cái có được do người ta có thể, thuật để giành lấy cho mình (không vương bán gì vào thể chế Cộng hòa - Dân chủ). Quyền về kinh tế chỉ được đảm bảo chắc chắn thông qua quyền về chính trị, chứ không phải luật pháp. Do đó, mất quyền lực chính trị sẽ tiêu vong luôn cả khả năng hoạt động kinh tế cá thể.

### Tóm lại

1. Trong sự hòa hoãn về mặt hệ tư tưởng ngày nay, chiêu bài "chất lượng" và "lối sống" được cất đi, thay vào là "Nhân quyền" và "Dân chủ", vì đơn giản phương Tây xem

là do thái độ chính trị mà các quốc gia đang phát triển chủ quan lựa chọn cho mình không phải vì điều kiện khách quan, phương Tây cũng phải chia sẻ để biến đổi nó. Thế "chất lượng" cuộc sống của Nhân dân thay đổi ra sao sau những cải cách chính trị thì hiểu là do họ chọn ai chứ không tùy thuộc vào sự ủng hộ vật chất (vốn, kỹ thuật...) phương Tây.

Đĩ nhiên, nhìn vào tương lai các lãnh tụ của phương Đông đều hiểu là vấn đề không giản như vậy. Sự cải cách xã hội không chỉ dừng ở cải cách hệ thống pháp lý và cơ quyền lực Nhà nước, mà cần hơn là sự vực dậy nền kinh tế, đào tạo được nhân tài nhà kỹ thuật lẫn chính trị, quản lý xa hội) rồi xã hội sẽ chuyển động theo quỹ đạo yếu của nó.

2. Sự tác động của phương Tây vào thế giới phương Đông là rất lớn, ngoài ý nghĩa về giao vốn, công nghệ, tri thức, nó còn là thị trường tiêu thụ các sản phẩm do các nước phương Đông làm ra qua quá trình công nghiệp hóa nền sản xuất của mình. Mặt khác, ảnh hưởng của phương Tây đối với phương Đông còn là sự đào tạo, giáo dục và sử dụng tài năng. Chúng ta thấy nhiều hiện tượng di cư, nhất là "chất xám" sang phương Tây. Điều đáng nói nữa là, ở trình độ xã hội cao hơn, văn hóa phương Tây ít chịu ảnh hưởng xấu của văn hóa phương Đông, theo nghĩa văn hóa phương Đông làm xói mòn, phá hệ giá trị truyền thống của phương Tây vốn dựa vào ý thức cá nhân. Ngược lại, tràn vào của văn hóa, lối sống phương Tây ở phương Đông phần lớn là gây ra sự đổ vỡ các giá trị văn hóa từng được thiết định dựa vào ý thức cộng đồng.

3. Vậy, nhân quyền ở phương Đông có thể dần dần hình thành qua sự phát triển kinh tế của mình khi mọi người đều có cơ hội ngang nhau về điều kiện giáo dục, đào tạo công ăn việc làm.

Bước tiếp theo, sau khi điều kiện vật chất được thỏa mãn ở mức nhất định và dân chúng được nâng lên trình độ mới, người ta sẽ có ý thức cao hơn về những quyền lợi tinh thần khác. Trong tính phổ biến của ý thức đó, sẽ làm thành nhu cầu mang tính xã hội của mỗi công dân, lúc ấy, hình ảnh Nhà nước như vốn có trước đây ắt không thể tồn tại được nữa.

4. (Chốt vấn đề là ở chất lượng cuộc sống. Mà cái này lại phụ thuộc vào nền sản xuất của xã hội, có đáp ứng được không và đáp ứng thế nào.

Tương lai giải quyết lý thuyết Nhân quyền, Dân chủ cũng như "quyền lực" ở phương Đông phụ thuộc vào sự tiến bộ xã hội theo đà công nghiệp hóa. Sự mở rộng thị trường trong và ngoài nước luôn đồng thời có tác dụng mở ra sự ý thức của con người về mình: trước tiên, phải thấy được giá trị con người ở lao động của nó. Sự tự khẳng định này sẽ thúc đẩy phát triển giáo dục, đào tạo mà còn tạo ra nhu cầu xê dịch tìm việc làm (tức: tự do cư trú), tạo ra nhu cầu nói lên ý kiến của mình (tức tự do ngôn luận, báo chí), dần hình thành ý thức về quyền của mình khi tham gia vào hoạt động xã hội với hình thức công dân (bầu và ứng cử). Một khi phương Đông vẫn là "thị trường nông nghiệp" thì mọi lý thuyết kể trên chỉ là ảo tưởng mà thôi.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tạp chí Nghiên cứu lý luận - Học viện CTQG - số 4/1993
2. Đàm Gia Kiên chủ biên - Lịch sử văn học Trung Quốc - Trần Từ - NXB hoa học hội H.1993.
3. Trần Từ - Cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền ở Bắc bộ - NXB KHKH H. 1984
4. Nguyễn Đăng Thục Lịch sử Triết học phương Đông, NXB TP Hồ Chí Minh 1991.T
5. Vũ Khiêu chủ biên, Nho giáo xưa và nay - Viện KHXH VN, H.1991.
6. Phan Kế Bính - Việt Nam phong tục - NXB Tổng hợp Đồng Tháp.
7. Phạm Khiêm Ích và Nguyễn Đình Phan chủ biên - Công nghiệp hóa và hiện đại hóa ở Việt Nam và các nước trong khu vực - NXB Thống kê, H.1994.

## HUMAN RIGHTS IN THE EAST

Nguyen - Van - Vinh

Faculty of Philosophy, Hanoi University

In Oriental countries, Human Rights and Pomer are very complex questions. From philosophical aspect of researching these questions we can primarily find the essential particulars, and how these particulars have been performed Under the institutional impacts of many factors such as socio - economy, political regime and traditional culture, the problems of Human Rights and Pomer have their own immanent relation. But when the exchange relations between the Western civilization and the Eastern Civilization took place, the content of these problems had been significantly changed, too.